

VAI TRÒ CỦA CHỨC NĂNG ĐIỀU HÀNH VÀ CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP TRONG QUÁ TRÌNH HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC TẬP

Nguyễn Phúc Lộc*, Trần Thị Lệ Thu**, Pieter Dijkstra***, Dick Barends****

*Viện Xã hội học và Tâm lý học, **Viện Khoa học Xã hội, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội,

***Viện Tâm lý học Xã hội, Groningen, Hà Lan,

****Đại học Groningen, Hà Lan

Email: nguyenphucloc29@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích cách các trường học có thể nâng cao động cơ và thành tích học tập của học sinh thông qua việc phát triển chức năng điều hành và sử dụng hiệu quả chiến lược học tập. Phương pháp sử dụng là: tổng quan tài liệu và phân tích ca minh họa. Kết quả: bài viết đã làm rõ khái niệm và mối quan hệ giữa hai yếu tố chức năng điều hành và chiến lược học tập, phân tích ý nghĩa của việc khuyến khích học sinh rèn luyện khả năng tự điều chỉnh, lập kế hoạch và áp dụng chiến lược học tập phù hợp. Bài viết cũng nhấn mạnh vai trò của giáo viên và môi trường học tập tích cực trong việc hỗ trợ sự phát triển các chức năng điều hành và việc sử dụng chiến lược học tập của học sinh. Thông qua hai trường hợp minh họa, bài viết cho thấy giáo viên có thể quan sát và hiểu rõ hơn hành vi học tập của học sinh khi tiếp cận từ góc nhìn của chức năng điều hành và chiến lược học tập. Dựa trên tổng hợp lý thuyết và thực tiễn giáo dục, bài viết cũng đề xuất cách tiếp cận tích hợp: tập trung hỗ trợ phát triển chức năng điều hành ở giai đoạn đầu tiểu học (đến hết lớp 2) và từ đó trở đi, hướng dẫn học sinh sử dụng chiến lược học tập hiệu quả.

Từ khóa: Học sinh; Chức năng điều hành; Chiến lược học tập; Vai trò của giáo viên.

THE ROLE OF EXECUTIVE FUNCTIONS AND LEARNING STRATEGIES IN SUPPORTING STUDENT LEARNING

Abstract: The article examines how schools can enhance students' learning motivation and academic achievement through the development of executive functions and the effective use of learning strategies. The study employs a narrative literature review and illustrative case analyses. The findings clarify the concepts of executive functions and learning strategies, as well as the relationship between these two factors. The article highlights the importance of encouraging students to develop self-regulation, planning skills, and the ability to apply appropriate learning strategies. It also emphasizes the role of teachers and a positive learning environment in supporting the development of students' executive functions and their use of learning strategies. Through two illustrative cases, the article demonstrates how teachers can better observe and understand students' learning behaviors when viewed through the lens of executive functions and learning strategies. Based on the synthesis of theoretical and educational practice literature, the article further proposes an integrated approach: prioritizing the development of executive functions during the early years of primary education (up to Grade 2), followed by explicit instruction in effective learning strategies in the subsequent years.

Keywords: Students; Executive functions; Learning strategies; Role of teachers.

Nhận bài: 05/05/2026

Phản biện: 05/06/2026

Duyệt đăng: 09/06/2026

I. GIỚI THIỆU

Việc học tập ở trường không diễn ra một cách tự động — học sinh cần được học cách học. Đại dịch COVID-19 đã cho thấy rõ rằng nhiều học sinh vẫn chưa biết cách học hiệu quả. Việc học tại nhà khiến quá trình học tập thường trở nên hỗn loạn, kém hiệu quả và mang tính hời hợt hơn so với học tập trong môi trường lớp học. Hệ quả là nhiều học sinh đã bị tụt hậu (Storey và cộng sự, 2023). Ngay cả trong lớp học, việc học tập cũng thường kém hiệu quả hơn nhiều so với tiềm năng vốn có. Nhìn chung, để giúp học sinh học tập hiệu quả hơn, các trường học có thể tập trung vào một trong hai hướng tiếp cận là tăng cường các chức năng điều hành của học sinh và khuyến khích học sinh sử dụng hiệu quả hơn các chiến lược học tập.

Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có thường xem xét chức năng điều hành và chiến lược học tập như hai hướng tiếp cận tương đối riêng biệt. Một số nghiên cứu tập trung vào vai trò của chức năng điều hành đối với khả năng tự điều chỉnh hành vi, chú ý và tổ chức hoạt động học tập của học sinh (Gioia và cộng sự, 2015; Jacobs & Parkinson, 2015; Niebaum & Munakata, 2023); trong khi các nghiên cứu khác nhấn mạnh hiệu quả của chiến lược học tập đối với thành tích, động cơ và khả năng tự học (De Boer và cộng sự, 2012; Donker và cộng sự, 2014; Ergen & Kanadli, 2017). Vì vậy, vẫn cần có những tổng quan làm rõ mối quan hệ giữa hai yếu tố này, đặc biệt là cách chúng hỗ trợ cho nhau trong quá trình hỗ trợ học sinh học tập ở nhà trường. Bên cạnh đó, phần lớn các thảo luận về chức năng điều hành và chiến lược học tập vẫn thiên về khía cạnh lý thuyết hoặc can thiệp riêng

lẻ, trong khi vai trò cụ thể của giáo viên trong việc nhận diện khó khăn học tập và lựa chọn hình thức hỗ trợ phù hợp chưa được trình bày đầy đủ.

Từ khoảng trống trên, bài viết này hướng tới mục tiêu làm rõ vai trò của chức năng điều hành và chiến lược học tập trong việc hỗ trợ học sinh học tập, đồng thời phân tích cách giáo viên có thể vận dụng hai hướng tiếp cận này trong thực tiễn giáo dục. Bài viết tập trung vào ba câu hỏi: (1) Chức năng điều hành và chiến lược học tập có mối quan hệ như thế nào? (2) Khi nào nên ưu tiên phát triển chức năng điều hành và khi nào nên tập trung hướng dẫn chiến lược học tập? (3) Giáo viên có thể hỗ trợ học sinh vận dụng hai yếu tố này trong lớp học ra sao?

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu tường thuật kết hợp phân tích hai trường hợp minh họa. Mục đích của phương pháp này là tổng hợp các nghiên cứu tiêu biểu về chức năng điều hành, chiến lược học tập và vai trò của giáo viên trong hỗ trợ học sinh học tập.

Tài liệu được tìm kiếm trong khoảng thời gian từ 2008 đến 2025 trên các cơ sở dữ liệu Web of Science, Scopus, ERIC và Google Scholar. Các từ khóa chính gồm: “executive functions”, “learning strategies”, “self-regulated learning”, “academic achievement”, “teacher support”, “autonomy-supportive teaching”, “primary school students” và “student learning”. Các từ khóa được kết hợp linh hoạt bằng AND/OR để xác định các tài liệu liên quan.

Tiêu chí lựa chọn tài liệu gồm: (1) liên quan trực tiếp đến chức năng điều hành, chiến lược học tập, tự điều chỉnh học tập, thành tích học tập hoặc vai trò của giáo viên; (2) đặt trong bối cảnh giáo dục nhà trường hoặc đối tượng học sinh; (3) có cơ sở lý thuyết hoặc bằng chứng thực nghiệm rõ ràng; và (4) có toàn văn để phân tích. Các tài liệu bị loại nếu trùng lặp, không liên quan trực tiếp đến chủ đề, không thuộc bối cảnh giáo dục hoặc không đủ độ tin cậy học thuật.

Quá trình tìm kiếm ban đầu xác định được 86 tài liệu. Sau khi loại bỏ 18 tài liệu trùng lặp và 48

tài liệu không phù hợp qua tiêu đề, tóm tắt hoặc toàn văn, 20 công trình được giữ lại để phân tích. 20 công trình này được chọn vì đại diện cho các hướng nghiên cứu chính: chức năng điều hành và kết quả học tập, chiến lược học tập và tự điều chỉnh học tập, hiệu quả can thiệp, cũng như vai trò của giáo viên và môi trường lớp học.

Các tài liệu được phân tích theo hướng tổng hợp chủ đề, tập trung vào bốn nội dung: (1) khái niệm và vai trò của chức năng điều hành; (2) các nhóm chiến lược học tập; (3) mối quan hệ giữa chức năng điều hành và chiến lược học tập; và (4) vai trò của giáo viên trong hỗ trợ học sinh. Bên cạnh đó, hai trường hợp minh họa được sử dụng để làm rõ cách vận dụng các khái niệm lý thuyết vào thực tiễn lớp học. Trường hợp thứ nhất minh họa khó khăn liên quan đến ức chế phản ứng ở học sinh nhỏ tuổi; trường hợp thứ hai minh họa khó khăn liên quan đến chiến lược siêu nhận thức ở học sinh lớn hơn. Các trường hợp này chỉ có chức năng minh họa, không nhằm đại diện cho toàn bộ học sinh.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Chức năng điều hành và chiến lược học tập

Chức năng điều hành là các quá trình nhận thức giúp con người đặt mục tiêu, lập kế hoạch, kiểm soát hành vi và thực hiện nhiệm vụ. Các chức năng này bao gồm trí nhớ làm việc, ức chế phản ứng và lập kế hoạch (Gioia và cộng sự, 2015). Trong bối cảnh học đường, học sinh cần chức năng điều hành để duy trì chú ý, ngồi yên, làm theo hướng dẫn, chờ đến lượt và hợp tác với bạn bè.

Trong khi đó, chiến lược học tập là những cách học cụ thể mà học sinh chủ động sử dụng để tiếp nhận, xử lý, ghi nhớ và vận dụng kiến thức hiệu quả hơn (De Boer và cộng sự, 2012; Donker và cộng sự, 2014). Điểm khác biệt chính là chức năng điều hành mang tính nền tảng và được sử dụng trong nhiều hoạt động khác nhau, còn chiến lược học tập gắn trực tiếp hơn với nhiệm vụ học tập trong nhà trường. Bảng 1 trình bày mối liên hệ giữa các chức năng điều hành và nhóm chiến lược học tập thường gặp.

Bảng 1. Chức năng điều hành và chiến lược học tập

Chức năng điều hành	Mô tả chiến lược học tập
Chủ động, trí nhớ làm việc, lập kế hoạch và tổ chức, tự nhận thức	Chiến lược học tập liên quan đến kiến thức siêu nhận thức <ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức siêu nhận thức chung: Hiểu biết chung về việc học và quá trình nhận thức. • Kiến thức siêu nhận thức cá nhân: Hiểu biết về việc học của bản thân.

Lập kế hoạch và tổ chức, trí nhớ làm việc, tự nhận thức	Chiến lược học tập liên quan đến kỹ năng siêu nhận thức • Lập kế hoạch, quản lý thời gian, theo dõi tiến trình học tập, kiểm tra việc học và phản tư sau khi hoàn thành nhiệm vụ.
Trí nhớ làm việc, lập kế hoạch và tổ chức	Chiến lược học tập liên quan đến kỹ năng nhận thức • Sử dụng các cách học trực tiếp như ôn luyện, liên hệ kiến thức mới với kiến thức đã có, chất lọc và sắp xếp thông tin theo ý chính.
Ức chế (inhibition), linh hoạt, điều hòa cảm xúc, lập kế hoạch và tổ chức, chủ động	Chiến lược học tập liên quan đến kỹ năng quản lý • Điều chỉnh nỗ lực, duy trì chú ý, quản lý môi trường học tập và chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần.
Ức chế, linh hoạt, điều hòa cảm xúc	Chiến lược học tập kích hoạt động cơ • Củng cố niềm tin vào năng lực bản thân, nhận ra giá trị của nhiệm vụ học tập và duy trì mục tiêu học tập phù hợp.

Chú ý. Các chức năng điều hành được đưa ra dựa trên Gioia và cộng sự (2015; BRIEF-2). Các chiến lược học tập được đưa ra dựa trên De Boer và cộng sự (2012). Sự liên kết được trình bày trong bảng này là phần tổng hợp của các tác giả.

Trong bài viết này, hiệu quả học tập được hiểu là mức độ học sinh đạt được kết quả học tập bền vững, bao gồm thành tích, động lực, sự tham gia học tập và khả năng vận dụng kiến thức vào tình huống mới. Chức năng điều hành và chiến lược học tập đều góp phần vào hiệu quả này, nhưng theo những cách khác nhau. Chức năng điều hành tạo nền tảng cho việc tự điều chỉnh, như duy trì chú ý, kiểm soát xung động và tổ chức thông tin. Trong khi đó, chiến lược học tập giúp học sinh biến năng lực tự điều chỉnh thành hành động học tập cụ thể, như lập kế hoạch, theo dõi, ôn luyện, phản tư và điều chỉnh cách học. Vì vậy, chức năng điều hành có thể được xem là nền tảng, còn chiến lược học tập là cách học sinh vận dụng nền tảng đó để nâng cao kết quả học tập.

3.2. Tăng cường chức năng điều hành

Nhiều nghiên cứu trên học sinh tiểu học cho thấy mối liên hệ rõ ràng giữa chức năng điều hành và kết quả học tập, thông qua điểm số: học sinh có chức năng điều hành phát triển tốt thường đạt thành tích cao hơn (Jacobs & Parkinson, 2015). Mặc dù việc thúc đẩy chức năng điều hành có thể giúp cải thiện (ít nhất là tạm thời) năng lực điều hành, song sự chuyển giao sang các nhiệm vụ học tập cụ thể trong nhà trường thường khá hạn chế (De Oliveira Cardoso và cộng sự, 2018; Niebaum & Munakata, 2023). Nguyên nhân cho hiện tượng này nằm ở tính chất tương đối khái quát của các chức năng điều hành.

Bên cạnh đó, mối tương quan giữa chức năng điều hành và kết quả học tập không đồng nghĩa với quan hệ nhân quả. Việc học sinh có chức năng điều hành tốt thường đạt kết quả học tập cao hơn không có nghĩa là chỉ cần tăng cường chức năng điều hành thì thành tích học tập sẽ tự động cải thiện. Một số nghiên cứu cho thấy mối quan hệ này có thể chịu ảnh hưởng đáng kể của chỉ số thông minh (IQ) và hoàn cảnh kinh tế – xã hội của trẻ (Jacobs & Parkinson, 2015). Vì vậy, để nâng cao kết quả học tập của học sinh tiểu học, cần nhìn nhận chức năng điều hành trong mối liên hệ với nhiều yếu tố khác, thay vì xem đây là nguyên nhân duy nhất.

Tuy nhiên, điều đó không làm giảm vai trò của chức năng điều hành. Bằng chứng nghiên cứu cho thấy việc hỗ trợ phát triển chức năng điều hành đặc biệt có ý nghĩa ở giai đoạn nhà trẻ và những năm đầu đi học, khi các chức năng này phát triển nhanh và dễ chịu tác động từ môi trường giáo dục. Sự hỗ trợ phù hợp ở giai đoạn này giúp trẻ có nền tảng thuận lợi hơn khi bước vào lớp học, nhất là trong các hành vi như duy trì chú ý, lắng nghe người khác và chờ đến lượt mình (Allee-Herndon & Roberts, 2019).

Ca minh họa dưới đây cho thấy cách giáo viên có thể quan sát và diễn giải khó khăn của học sinh từ góc nhìn chức năng điều hành, qua đó lựa chọn hình thức hỗ trợ phù hợp hơn với đặc điểm cá nhân của học sinh.

Nghiên cứu trường hợp: L**Giáo viên quan sát thấy điều gì?**

L, 5 tuổi, đã học lớp 1 được hai tháng. Em là một đứa trẻ vui vẻ và có vẻ thích đến trường. Tuy nhiên, giáo viên nhận thấy L gặp khó khăn trong việc ngồi yên khi thực hiện nhiệm vụ học tập, dễ bị xao nhãng hơn so với các bạn cùng lớp trong giờ giảng và thường xuyên nói xen ngang. Nói cách khác, L gặp khó khăn trong việc tuân thủ một số quy tắc cơ bản của lớp học như chờ đến lượt, giữ yên lặng và chú ý khi nghe giáo viên giải thích. Những hành vi bốc đồng này gây ra một số xao trộn trong lớp học.

Điều gì đang diễn ra?

Giáo viên cho rằng khó khăn chính của L liên quan đến khả năng ức chế phản ứng, tức khả năng kiểm soát các xung động trước khi hành động. Khi khả năng này phát triển tốt, trẻ có thể dừng lại, cân nhắc và lựa chọn phản ứng phù hợp, thay vì hành động ngay theo kích thích bên trong hoặc bên ngoài. Ngược lại, khi khả năng ức chế còn yếu, trẻ dễ phản ứng quá nhanh, khó chờ đợi, khó duy trì chú ý và khó tuân thủ hướng dẫn trong lớp học. Điều này có thể lý giải vì sao L thường nói xen ngang, dễ bị xao nhãng và gặp khó khi phải ngồi yên hoặc chờ đến lượt.

Giáo viên có thể làm gì?

Trong lớp học luôn tồn tại nhiều kích thích - không thể loại bỏ hoàn toàn chúng. Do đó, L cần học cách ứng phó tốt hơn với những yếu tố gây xao nhãng này. Một số gợi ý sau có thể hữu ích:

Làm rõ các quy tắc lớp học đối với L. Giáo viên có thể nhắc lại các quy tắc cùng L, trình bày chúng một cách trực quan trên áp phích và đưa ra phản hồi tích cực mỗi khi em tuân thủ.

Cho L luyện tập thông qua các trò chơi phản xạ, chẳng hạn như Dobble, Ghost Blitz hoặc Halli Galli Junior. Các trò chơi phản xạ giúp trẻ luyện khả năng chờ đợi, kiểm soát phản ứng và hành động đúng thời điểm. Thông qua chơi, L học được rằng đôi khi không nên phản ứng ngay lập tức, mà cần trì hoãn hoặc thậm chí kìm hãm phản ứng của mình. Giáo viên có thể giải thích thêm rằng kỹ năng này cũng rất quan trọng trong lớp học, ví dụ như khi chờ đến lượt phát biểu.

Cung cấp các kích thích mang tính xây dựng. Trong quá trình trò chuyện với L, giáo viên nhận thấy em thường cảm thấy buồn chán trong giờ học, khiến em dễ bị thu hút bởi các kích thích bên ngoài thay vì tập trung vào bài học. Để hỗ trợ L duy trì sự chú ý mà không làm gián đoạn việc học, giáo viên có thể cho em sử dụng một dụng cụ nhỏ như Tangle – một loại đồ chơi xúc giác gồm các đoạn cong nối với nhau, có thể xoay vặn liên tục mà không có cách dùng đúng hay sai. Việc cầm và xoay Tangle có thể giúp L giảm cảm giác buồn chán và bồn chồn, nhờ đó ít bị xao nhãng hơn và tập trung tốt hơn vào nội dung bài học.

Việc tăng cường các chức năng điều hành ở giai đoạn đầu đời không chỉ hỗ trợ sự phát triển nhận thức và hành vi của trẻ, mà còn góp phần thúc đẩy công bằng trong giáo dục. Trẻ ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo đến từ các gia đình có điều kiện kinh tế – xã hội thấp thường có ít cơ hội nhận được sự hỗ trợ cần thiết từ gia đình để phát triển các chức năng điều hành. Điều này có thể khiến các em bước vào môi trường học đường với mức độ sẵn sàng thấp hơn so với bạn bè cùng trang lứa. Vì vậy, việc chủ động hỗ trợ sự phát triển chức năng điều hành trong giai đoạn mầm non có ý nghĩa quan trọng, giúp thu hẹp khoảng cách ban đầu và tạo điều kiện để trẻ tham gia hiệu quả hơn vào các hoạt động học tập trong lớp học (Allee-Herndon & Roberts, 2019).

Đặc biệt, nếu các chức năng điều hành được chú trọng phát triển trong giai đoạn nhạy cảm này, đến khoảng lớp 2, phần lớn học sinh có thể đạt được mức độ tự điều chỉnh cần thiết để tuân thủ các quy tắc cơ

bản của lớp học. Chẳng hạn, các em có thể chờ đến lượt, ngồi yên trong thời gian phù hợp và giơ tay khi muốn đặt câu hỏi. Từ lớp 2 trở đi, khi các yêu cầu học tập trở nên phức tạp hơn, việc hỗ trợ học sinh cần chuyển dần sang các cách tiếp cận cụ thể hơn, đặc biệt là các chiến lược học tập giúp các em tiếp nhận, xử lý và vận dụng kiến thức hiệu quả.

Tuy nhiên, việc chú ý đến các chức năng điều hành vẫn cần thiết đối với những học sinh lớn tuổi hơn gặp khó khăn trong điều chỉnh hành vi, chẳng hạn như học sinh có rối loạn hành vi hoặc hạn chế về trí tuệ. Ở nhóm học sinh này, tăng cường chức năng điều hành có thể góp phần cải thiện khả năng thích ứng trong lớp học và làm giảm các hành vi gây cản trở quá trình học tập (Camuñas và cộng sự, 2022). Khi nền tảng tự điều chỉnh này được củng cố, hoạt động dạy học có thể tập trung nhiều hơn vào việc phát triển các chiến lược học tập, thay vì chỉ xử lý các khó khăn hành vi hoặc sự thiếu sẵn sàng trong lớp học.

3.3. Thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả các chiến lược học tập

Nhiều nghiên cứu cho thấy việc sử dụng chiến lược học tập hiệu quả có liên quan đến kết quả học tập tốt hơn, động cơ học tập cao hơn, mức độ lo âu học tập thấp hơn và sự tự tin lớn hơn vào năng lực bản thân (Cristea và cộng sự., 2025; Zhao và cộng sự, 2025). Tuy nhiên, mối liên hệ này không đồng nghĩa với quan hệ nhân quả; việc khuyến khích học sinh sử dụng chiến lược học tập không tự động bảo đảm thành tích sẽ được cải thiện.

Dẫu vậy, các phân tích tổng hợp cho thấy các chương trình can thiệp nhằm phát triển chiến lược

học tập nhìn chung có tác động tích cực đến thành tích và động cơ học tập của học sinh, thậm chí một số tác động còn được duy trì theo thời gian (De Boer và cộng sự, 2012; Dignath & Büttner, 2008; Ragosta, 2011). Vì vậy, giáo viên cần được hướng dẫn cách hỗ trợ học sinh nhận diện, lựa chọn và vận dụng chiến lược học tập phù hợp với từng nhiệm vụ (Ergen & Kanadli, 2017). Ca minh họa dưới đây cho thấy cách giáo viên có thể nhìn nhận khó khăn học tập của học sinh dưới góc độ chiến lược học tập, từ đó lựa chọn hình thức hỗ trợ phù hợp hơn.

Nghiên cứu trường hợp: N

Giáo viên quan sát thấy điều gì?

N, 10 tuổi, hiện đang học lớp 5. Em là học sinh tự tin, hòa đồng và khá thông minh. Tuy nhiên, giáo viên nhận thấy N thường xuyên lặp lại cùng một lỗi sai trong bài tập và bài kiểm tra ở nhiều môn học. Em thường phải làm đi làm lại vài lần mới thực sự hiểu vấn đề. N có xu hướng làm bài rất nhanh và hiếm khi xem lại sau khi hoàn thành. Đôi khi em làm cho xong để nhanh chóng chuyển sang các hoạt động yêu thích hơn, chẳng hạn như sử dụng máy tính xách tay. Cách làm việc này khiến N chưa phát huy hết khả năng của mình. Gần đây, N cũng nhận thấy điểm số giảm sút và việc học trở nên khó hơn, dù trước đây em học khá thuận lợi và chưa hiểu rõ nguyên nhân của sự thay đổi này.

Điều gì đang diễn ra?

Giáo viên nhận thấy khó khăn của N không nằm ở năng lực học tập, mà chủ yếu ở cách em tự theo dõi và điều chỉnh quá trình học. N thường làm bài quá nhanh, ít kiểm tra lại nên dễ mắc lỗi bất cẩn và lặp lại sai sót. Vì vậy, em cần được hỗ trợ ở hai chiến lược: kiến thức siêu nhận thức cá nhân và đánh giá – phản tư. Chiến lược thứ nhất giúp N nhận ra điểm mạnh, điểm hạn chế và những nội dung cần đầu tư nhiều hơn. Chiến lược thứ hai giúp em xem lại quá trình làm bài, nhận diện lỗi sai và rút kinh nghiệm cho những nhiệm vụ tiếp theo.

Giáo viên có thể làm gì?

Để hỗ trợ N vận dụng tốt hơn các chiến lược học tập, giáo viên có thể thực hiện nhiều biện pháp khác nhau như sau:

1. *Trao đổi với N về điểm mạnh và điểm hạn chế trong học tập.* Một hạn chế trong cách học của N là em làm bài quá nhanh. Tuy nhiên, không nên nói thẳng điều này, mà nên giúp em tự nhận ra thông qua các câu hỏi gợi mở (chẳng hạn: “Có khi nào con nghĩ rằng mình nên làm bài chậm lại một chút không?”). Đồng thời, giáo viên cũng cần chỉ ra mặt tích cực của đặc điểm này - N hoàn thành bài rất nhanh. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng trong học tập, việc dành đủ thời gian là yếu tố quan trọng hơn.

2. *Khuyến khích N kiểm tra lại bài làm trước khi nộp.* Nếu N tiếp tục nộp bài quá nhanh, giáo viên có thể yêu cầu em xem xét kỹ lại bài làm: bài đã làm đủ chưa, có lỗi bất cẩn hay chính tả nào không. Hoạt động này cũng có thể áp dụng cho toàn bộ học sinh trong lớp, chẳng hạn khi tất cả đã hoàn thành bài. Điều này giúp học sinh hiểu rằng việc kiểm tra lại bài trước khi nộp là một hoạt động thiết yếu, chứ không phải là bước có thể bỏ qua.

3. *Thảo luận với N sau khi chấm bài kiểm tra hoặc bài tập.* Giáo viên có thể yêu cầu N ghi lại những điểm em làm tốt, những điều em tự hào và những điểm cần cải thiện. Đối với mỗi lỗi sai hoặc sự thiếu cẩn thận, giáo viên khuyến khích em ghi vào một cuốn sổ những điều em có thể làm khác đi trong lần sau. Khi có bài kiểm tra hoặc nhiệm vụ tương tự, N nên xem lại các ghi chú này trước khi bắt đầu.

3.4. Vai trò của giáo viên

Từ các nghiên cứu đã tổng quan, có thể thấy việc rèn luyện chức năng điều hành nên được ưu tiên

trong những năm đầu đi học, đặc biệt đến khoảng lớp 2. Đây là giai đoạn học sinh cần hình thành nền tảng tự điều chỉnh để tham gia hiệu quả vào các

hoạt động lớp học. Từ lớp 2 trở đi, khi các quy tắc học tập cơ bản đã dần ổn định, trọng tâm có thể chuyển sang hướng dẫn học sinh sử dụng các chiến lược học tập cụ thể hơn. Cách tiếp cận này vừa tạo nền tảng chung cho mọi học sinh, vừa cho phép giáo viên hỗ trợ cá nhân hóa trong những trường hợp cần thiết, như trường hợp của L và N.

Để hỗ trợ hiệu quả, giáo viên cần hiểu rõ chức năng điều hành và chiến lược học tập, biết nhận diện khó khăn của học sinh và lựa chọn cách can thiệp phù hợp. Giáo viên không cần tự xây dựng mọi hoạt động từ đầu, vì hiện đã có nhiều bài tập, hướng dẫn và nhiệm vụ học tập có thể được vận dụng để phát triển chức năng điều hành cũng như chiến lược học tập. Tuy nhiên, hiệu quả của những hỗ trợ này phụ thuộc nhiều vào chất lượng dạy học và môi trường lớp học. Các nghiên cứu cho thấy thái độ hỗ trợ, tin tưởng học sinh và dạy học theo hướng hỗ trợ tính tự chủ có thể tạo điều kiện để chức năng điều hành và chiến lược học tập phát huy tác dụng (Lee và cộng sự, 2019; Aelterman và cộng sự, 2019; Sosic-Vasic và cộng sự, 2015).

Dạy học hỗ trợ tính tự chủ đòi hỏi giáo viên quan tâm đến góc nhìn của học sinh, giải thích rõ mục đích của nhiệm vụ học tập, thừa nhận cảm xúc của các em và điều chỉnh hoạt động dạy học khi cần. Dù vậy, việc thực hiện cách tiếp cận này không luôn dễ dàng, nhất là khi giáo viên chịu áp lực về thời gian, chương trình và yêu cầu tổ chức. Vì thế, nhà trường cần tạo điều kiện phù hợp để giáo viên có thể hỗ trợ học sinh một cách linh hoạt, kiên nhẫn và cá nhân hóa hơn.

IV. HẠN CHẾ NGHIÊN CỨU

Bài viết có một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu tương tự thuật nên việc lựa chọn và diễn giải tài liệu có thể

chịu ảnh hưởng nhất định từ đánh giá của nhóm tác giả; các kết luận chủ yếu mang tính tổng hợp lý thuyết và gợi ý thực tiễn, chưa phải bằng chứng nhân quả trực tiếp. Thứ hai, số lượng tài liệu được giữ lại để phân tích sâu còn giới hạn. 20 công trình được lựa chọn vì phù hợp với mục tiêu bài viết và đại diện cho các hướng nghiên cứu chính. Thứ ba, hai trường hợp của L và N chỉ có chức năng minh họa cho việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn lớp học. Các trường hợp này không đại diện cho toàn bộ học sinh, do đó các gợi ý hỗ trợ cần được điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân, bối cảnh lớp học và điều kiện cụ thể của từng nhà trường.

V. KẾT LUẬN

Bài viết đã làm rõ vai trò hỗ trợ giữa chức năng điều hành và chiến lược học tập trong hỗ trợ học sinh học tập. Chức năng điều hành tạo nền tảng cho khả năng chú ý, kiểm soát hành vi, lập kế hoạch và tự điều chỉnh; trong khi chiến lược học tập giúp học sinh vận dụng nền tảng đó vào các nhiệm vụ học tập cụ thể.

Đóng góp chính của bài viết là đề xuất cách tiếp cận tích hợp: ưu tiên phát triển chức năng điều hành ở giai đoạn đầu tiểu học, sau đó tăng cường hướng dẫn học sinh sử dụng chiến lược học tập phù hợp. Hai ca minh họa cho thấy giáo viên có thể dùng cách tiếp cận này để nhận diện khó khăn học tập và lựa chọn hình thức hỗ trợ phù hợp hơn.

Về thực tiễn, giáo viên cần được hỗ trợ để hiểu, quan sát và hướng dẫn học sinh phát triển chức năng điều hành cũng như chiến lược học tập. Nhà trường cần tạo môi trường học tập tích cực, linh hoạt và hỗ trợ tính tự chủ. Các nghiên cứu tiếp theo nên kiểm định thực nghiệm cách tiếp cận tích hợp này trong các bối cảnh lớp học và nhóm tuổi khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aelterman, N., Vansteenkiste, M., Haerens, L., Soenens, B., Fontaine, J. R. J., & Reeve, J. (2019). Toward an integrative and fine-grained insight in motivating and demotivating teaching styles: The merits of a circumplex approach. *Journal of Educational Psychology*, 111(3), 497–521
- Allee-Herndon, K. A., & Roberts, S. K. (2019). Poverty, self-regulation and executive function, and learning in k-2 classrooms: A systematic literature review of current empirical research. *Journal of Research in Childhood Education*, 33(3), 345–362.
- Camuñas, N., Mavrou, I., Vaillo, M., & Martínez, R. M. (2022). An executive function training programme to promote behavioural and emotional control of children and adolescents in foster care in Spain. *Trends in Neuroscience and Education*, 27, 1–13
- Cristea, T. S., Heikkinen, S., Snijders, C., Saqr, M., Matzat, U., Conijn, R., & Kleingeld, A. (2025). Dynamics of self-regulated learning: The effectiveness of students' strategies across course periods. *Computers & Education*, 228, 1–28.
- De Boer, H., Bergstra, A., & Kostons, D. (2012). Effective strategies for self-regulated learning: A meta-analysis. Groningen: GION onderzoek/onderwijs. Available on: https://www.nro.nl/sites/nro/files/migrate/PROO_Effective%252B

strategies%252Bfor%252Bself-regulated%252Blearning.pdf

De Oliveira Cardoso, C., Dias, N., Senger, J., Colling, A. P. C., Seabra, A. G., & Fonseca, R. P. (2018). Neuropsychological stimulation of executive functions in children with typical development: A systematic review. *Applied Neuropsychology: Child*, 7(1), 61–81.

Dignath, C., & Büttner, G. (2008). Components of fostering self-regulated learning among students: A meta-analysis on intervention studies at primary and secondary school level. *Metacognition and Learning*, 3(3), 231–264.

Donker, A., De Boer, H., Kostons, D., Dignath-Van Ewijk, C., & Van der Werf, M. (2014). Effectiveness of self-regulated learning strategies on academic performance: A meta-analysis. *Educational Research Review*, 11, 1-26.

Ergen, B., & Kanadli, S. (2017). The effect of self-regulated learning strategies on academic achievement: A meta-analysis study. *Eurasian Journal of Educational Research*, 69, 55–74.

Finlayson, K., & McCrudden, M. T. (2019). Teacher-implemented self-regulated strategy development for story writing with 6-year-olds in a whole-class setting in New Zealand. *Journal of Research in Childhood Education*, 33(2), 307–322.

Gioia, G. A., Isquith, P. K., Guy, S. C., & Kenworthy, L. (2015). Behavior Rating Inventory of Executive Function® Second Edition (BRIEF®2, BRIEF2, BRIEF-2). APA PsycTests.

Jacobs, R. & Parkinson, K. (2015). Executive functions and academic performance in children: A systematic review. *Educational Psychology Review*, 27(3), 445–470.

Lavasani, M. G., Ejei, J., & Dawoodi, M. (2013). The effectiveness of self-regulation learning strategies training on the self-regulation skills, academic engagement and test anxiety. *Journal of Psychology*, 17(2), 169–181.

Niebaum, J.C., & Munakata, Y. (2023). Why doesn't executive function training improve academic achievement? Rethinking individual differences, relevance, and engagement from a contextual framework. *Journal of Cognitive Development*, 24, 241-259.

Ragosta, M. (2011). Study on the effectiveness of self-regulated learning strategies in improving student achievement. *Review of Educational Research*, 81(3), 439–468.

Sosic-Vasic, Z., Keis, O., Lau, M., Spitzer, M., & Streb, J. (2015). The impact of motivation and teachers' autonomy support on children's executive functions. *Frontiers in Psychology*, 6, Article 146.

Storey, V. A., Zhang, X., & Ma, L. (2023). The global impact of COVID-19 school closures on student learning outcomes: A meta-analysis. *Educational Research Review*, 38, 100489.

Zhao, Y., Li, Y., Ma, S., Xu, Z., & Zhang, B. (2025). A meta-analysis of the correlation between self-regulated learning strategies and academic performance in online and blended learning environments. *Computers & Education*, 230, 1–13.